

HOSE 18/06/2014

VNINDEX 570.03 -2.22 -0.39%

KLGD 99,955,525 CP
GTGD 1,333.40 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 110 CP
CP Giảm giá 105 CP
CP Đứng giá 89 CP



Tâm điểm

- ▶ **Giằng co mạnh, 2 sàn giảm điểm lúc đóng cửa**
- ▶ **Thanh khoản sụt giảm nhẹ**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 1,800 tỷ đồng
- ▶ **Niềm tin và triển vọng kinh doanh của các DN châu Âu tại Việt Nam tăng mạnh**
Theo khảo sát của Eurocham về Chỉ số Môi trường Kinh doanh (BCI) tại Việt Nam Hà Nội Mới
- ▶ **Đệt may có thể cán mốc 23.6 tỷ USD**
6 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam ước đạt 10.21 tỷ Hải Quan
- ▶ **Tỷ lệ lạm phát tại Anh xuống mức thấp nhất trong hơn 4 năm**
Tỷ lệ lạm phát ở nước này giảm từ 1.8% trong tháng 4 xuống 1.5% trong tháng 5 Vietnamplus
- ▶ **HQC: Dự kiến tăng vốn lên 2,000 tỷ đồng**
Được biết, năm 2014, HQC đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế đạt 150 tỷ đồng Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **SBT: Lên kế hoạch sáp nhập với Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (SEC)**
5 tháng đầu năm, TRC thu hoạch 2,859.4 tấn mù, bằng 130% cùng kỳ năm trước DVO

HNX 18/6/2014

HNXINDEX 76.85 -0.14 -0.18%

KLGD 55,197,322 CP
GTGD 571.84 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 98 CP
CP Giảm giá 92 CP
CP Đứng giá 189 CP



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,011,547	13.8	3.1	20.6%	10.9%
HNX	124,277	17.5	1.5	7.4%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,135,824	16.0	2.9	19.4%	10.2%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,046	5.9	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,882	7.1	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	36,555	19.8	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng	11,947	52.1	5.0	1.9%	1.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,579	16.9	1.4	11.4%	8.1%
Xây dựng	28,740	40.8	1.1	-4.1%	1.5%
Máy công nghiệp	7,939	6.1	1.3	21.3%	14.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,028	13.8	1.3	14.3%	10.8%
Lốp xe	6,729	8.2	2.2	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,473	9.5	1.2	14.6%	6.4%
Thực phẩm	199,871	22.8	4.7	21.2%	16.3%
Dược phẩm	15,023	10.9	3.1	25.4%	16.7%
Phần mềm	16,433	10.1	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,838	5.5	1.2	-6.4%	3.1%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	204,946	17.2	5.5	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	27,083	22.0	2.2	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	25,040	13.6	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng	246,228	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	132,276	11.2	2.4	27.5%	6.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,255	9.7	2.0	20.5%	8.5%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 618.61 -2.00 -0.32%
HNX30 154.11 -0.80 -0.52%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Niềm tin và triển vọng kinh doanh của các DN châu Âu tại Việt Nam tăng mạnh

Dệt may có thể cán mốc 23.6 tỷ USD

Tỷ lệ lạm phát tại Anh xuống mức thấp nhất trong hơn 4 năm

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

HQC: Dự kiến tăng vốn lên 2,000 tỷ đồng

SBT: Lên kế hoạch sáp nhập với Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (SEC)

VLC: Dự kiến chia cổ tức 66%

► Tin kinh tế

Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) công bố kết quả khảo sát về Chỉ số Môi trường Kinh doanh (BCI) tại Việt Nam lần thứ 15, thực hiện vào tháng 5 năm 2014. Kết quả cho thấy niềm tin và triển vọng kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp Châu Âu tiếp tục gia tăng. Chỉ số BCI quý này đã trở về giai đoạn thịnh vượng của năm 2011, tăng từ 59 điểm quý trước lên 66 điểm quý này (50 điểm là điểm trung bình). Mức tăng trưởng này càng thể hiện rõ sự cam kết của các doanh nghiệp châu Âu vào thị trường Việt Nam.

Ngày 16-6, ông Lê Tiến Trường, Phó tổng giám đốc Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex) cho biết, 6 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam ước đạt 10.21 tỷ USD, tăng 14.6% so với cùng kỳ năm 2013. Xuất khẩu dệt may sang các thị trường chủ lực rất khả quan: Mỹ tăng 14.5%, châu Âu tăng 11.3%, Nhật tăng 11.6% và Hàn Quốc tăng 30.1%. Điều này cho thấy ngành dệt may Việt Nam ngày càng có uy tín và sức cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế. Theo ông Trường, hồi đầu năm, Vinatex dự báo, xuất khẩu dệt may 2014 có thể đạt 24.5 tỷ USD tăng 20% so với năm trước nhưng với tình hình thực tế hiện nay, phương án khả thi mà Vinatex dự báo là tăng khoảng 16% tức khoảng 23.6 tỷ USD.

Số liệu do Cơ quan thống kê quốc gia Anh (ONS) công bố ngày 17/6 cho biết tỷ lệ lạm phát ở nước này giảm mạnh, từ 1.8% trong tháng 4/2014 xuống 1.5% trong tháng 5/2014, mức thấp nhất kể từ tháng 10/2009. Đây là tháng thứ sáu liên tiếp tỷ lệ lạm phát ở Vương quốc Anh đứng dưới ngưỡng mục tiêu 2% mà Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) đã đặt ra. Tỷ lệ lạm phát trong tháng 5/2014 ở Vương quốc Anh giảm chủ yếu nhờ vào sự lên giá của đồng bảng, cuộc chiến giá cả giữa các siêu thị và chi phí đi lại giảm mạnh, đặc biệt là giá vé máy bay.

► Tin doanh nghiệp

HĐQT CTCP Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân (HOSE: HQC) sẽ trình ĐHCĐ tờ trình tăng vốn điều lệ từ 900 tỷ đồng lên 2,000 tỷ đồng thông qua việc phát hành 110 triệu cổ phiếu. Cụ thể, HQC chào bán 30 triệu cổ phần cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 3:1, giá phát hành 10,000 đồng/CP. Chào bán cho đối tác chiến lược 50 triệu cổ phần, giá bán là 12,000 đồng/CP, hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 1 năm kể từ ngày kết thúc phát hành. Tổng số tiền dự kiến thu về khoảng 800 tỷ đồng, sẽ được giải ngân đầu tư các dự án: Chung cư Hồ Ngọc Lãm (300 tỷ đồng), HQC Hóc Môn (300 tỷ đồng), Bình Trưng Đông (150 tỷ đồng), An Phú Tây (50 tỷ đồng). Ngoài ra, nhằm cản trở công nợ, HQC sẽ phát hành 30 triệu cổ phần riêng lẻ cho đối tác kinh doanh.

Theo ông Đặng Văn Thành – chủ tịch Tập đoàn Thành Thành Công cho biết, sau thương vụ sáp nhập CTCP Đường Ninh Hòa (HOSE: NHS) vào CTCP Đường Biên Hòa (HOSE: BHS) theo tỷ lệ 1:1, tập đoàn sẽ lên kế hoạch sáp nhập CTCP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (HOSE: SEC) vào Công ty cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (HOSE: SBT). SBT hiện đang là cổ đông lớn nhất nắm giữ 24.13% cổ phần của SEC, kế đến là NHS nắm giữ 22.98%; BHS nắm giữ 10.57%, bà Đặng Huỳnh Ước My, chủ tịch HĐQT STB, con gái ông Đặng Văn Thành, nắm giữ 6.53%. Ông Đặng Văn Thành cho biết: "Tiền thân của hai công ty SBT và SEC do tập đoàn Groupe Des Societes De Bourbon (Cộng hòa Pháp) xây dựng, do đó việc sáp nhập hai công ty có chung nguồn gốc lịch sử thành một công ty lớn sẽ thuận lợi và tạo ra lợi thế cạnh tranh và lợi ích cho cổ đông của hai công ty".

Công ty cổ phần Thủy điện Nà Lơi (HNX: NLC) vừa công bố tài liệu ĐHCĐ thường niên 2014. Theo đó, một nội dung quan trọng trong ĐHCĐ lần này của NLC chính là phương án sáp nhập vào Thủy điện Cần Đơn (SJD), trong đó NLC là công ty bị sáp nhập. Nếu phương án sáp nhập được thông qua, kế hoạch kinh doanh 2014 của Thủy điện Nà Lơi sẽ được cộng ngang với kế hoạch của Thủy điện Cần Đơn. Về kế hoạch phân phối lợi nhuận 2012 - 2013, Thủy điện Nà Lơi đề xuất phương án chia cổ tức cho 2 năm với tỷ lệ lên tới 66% trên vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Tương đương với việc trích 33 tỷ đồng chia cổ tức cho 2 năm.

HOSE 18/06/2014 VNINDEX 570.03 -2.22 -0.39% 99,955,525 CP 1,333.40 bil VND

Giảng cơ mạnh, 2 sàn giảm điểm lúc đóng cửa

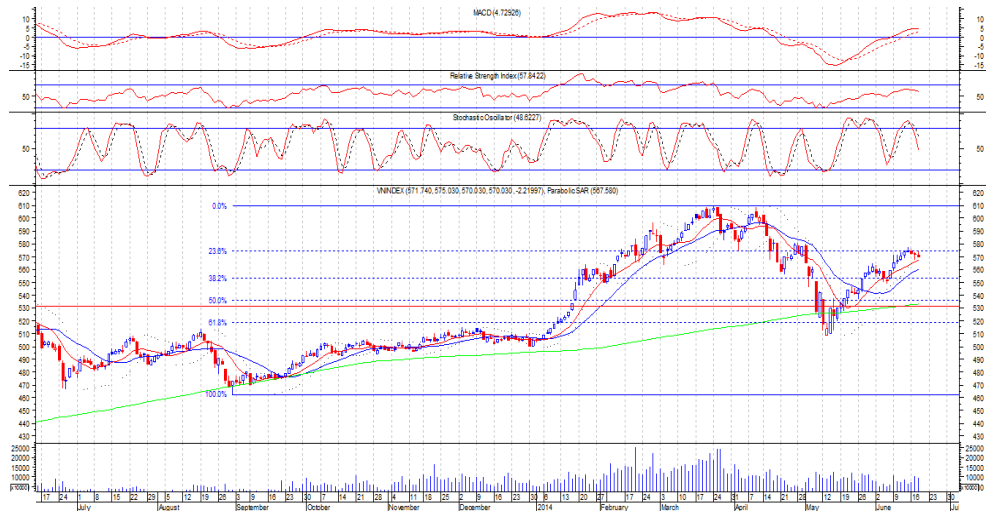
VN-Index giảm 2.22 điểm (-0.39%), đóng cửa tại mức 570.03 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, chỉ số này tiếp tục điều chỉnh nhẹ và đang thể hiện sự lưỡng lự.

- MACD sau khi cắt lên đường zero - base, bắt đầu giảm đà tăng và có xu hướng đi ngang.

- Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu bán ra, tiếp tục sụt giảm mạnh.

- RSI (14) sụt giảm xuống mức 57.

- VN-Index đang hướng tới vùng kháng cự 580 điểm, nhịp tích lũy đi ngang tại vùng điểm 570 - 580 điểm vẫn đang được duy trì.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.2 (-1.8%)	6,607,220
ITA	-0.1 (-1.2%)	5,351,720
KSS	0.3 (5.1%)	5,237,370
HQC	-0.2 (-2.5%)	5,211,110
STB	0 (0.0%)	4,190,580

HOSE Top 5 theo % tăng

SAV	1 (6.8%)	5,000
VNE	0.4 (6.7%)	3,079,600
SZL	1 (6.5%)	151,800
VID	0.3 (6.5%)	99,370
TNT	0.2 (6.5%)	162,430

HOSE Top 5 theo % giảm

VCB	-4 (-13.3%)	1,258,160
TMS	-2.3 (-6.8%)	2,420
ABT	-3.5 (-6.7%)	290
KAC	-0.8 (-6.6%)	20
SFI	-2 (-6.6%)	4,340

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

STB	84,1 tỷ	4,005,410
PVD	5,8 tỷ	67,000
HPG	5,7 tỷ	109,600
GMD	5,0 tỷ	149,700
CSM	4,1 tỷ	105,380

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VCB	-11,4 tỷ	436,440
MSN	-6,2 tỷ	64,900
PVT	-4,5 tỷ	363,110
HAG	-3,0 tỷ	121,890
VIC	-0,9 tỷ	14,250

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	8,704,478	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch khá tốt ở phiên sáng, dù đà tăng không thực sự mạnh nhưng nhóm cổ phiếu chứng khoán vẫn giữ nhịp giúp TT. Tuy nhiên, đà tăng lại yếu dần về cuối.
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ và đạt 95 triệu đơn vị. Tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng nhưng đây là một tín hiệu khá tích cực nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 95 tỷ trong phiên hôm nay. Sắp tới là kỳ cơ cấu danh mục của Quỹ ETF, nên nhiều khả năng giao dịch khối này sẽ ảnh hưởng lớn tới Index.
- ▶ VN-Index đang hướng tới vùng kháng cự 580 điểm. Việc điểm số và thanh khoản gia tăng dần là một tín hiệu rất tích cực cho thị trường.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, ưu tiên nhóm cổ phiếu cơ bản tốt. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	104.0	197,080.00	17.7	5.6	33.4%	22.6%
VNM	833.4	122.0	101,679.35	15.9	5.4	36.4%	29.1%
MSN	734.9	95.5	70,184.03	215.0	4.8	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	26.0	60,252.84	15.8	1.6	10.4%	1.0%
VIC	894.2	65.0	58,125.63	7.8	3.7	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.8	55,106.39	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	39.3	26,742.53	22.0	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	52.5	25,300.18	10.7	2.5	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	21.0	23,992.74	11.0	1.5	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

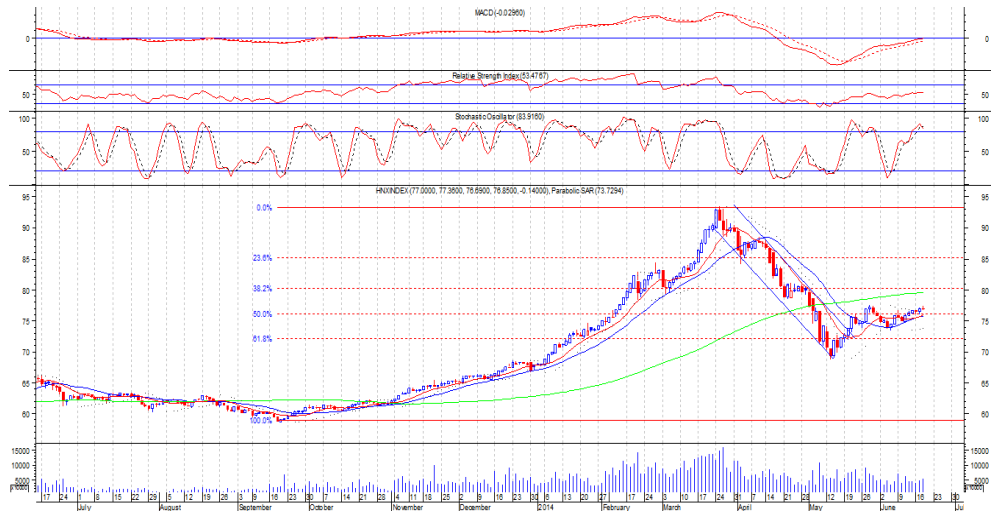
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	12.3	3,147.08	13.0	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.6	16,025.47	10.0	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.4	2,076.65	14.4	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.4	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	12.0	729.00	5.3	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.3	532.87	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 18/06/2014 HNX-Index 76.85 -0.14 -0.18% 55,197,322 CP 571.84 bil. VND

Giảng cơ mạnh, 2 sàn giảm điểm lúc đóng cửa

Chỉ số HNX-Index giảm 0.14 điểm (-0.18%), đóng cửa tại mốc 76.85 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ thân ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của HNX-Index.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán ở phiên hôm nay.
- MACD tăng nhẹ và sắp cắt đường zero - base.
- RSI (14) giảm nhẹ và đạt mức 53.
- HNX-Index đang có xu hướng giao dịch tích lũy ở vùng Fb 50% và MA20.



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	-0.3 (-2.6%)	6,052,000
PVX	-0.1 (-2.3%)	5,756,930
SCR	-0.1 (-1.1%)	5,490,160
SHB	0 (0.0%)	4,831,160
FIT	-0.4 (-2.5%)	4,275,240

HNX Top 5 theo % tăng

KSK	1.2 (9.9%)	248,540
BXH	1 (9.8%)	100
HLY	0.8 (9.8%)	100
CTM	0.3 (9.7%)	20,700
TVD	1.2 (9.6%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

CX8	-0.5 (-9.6%)	4,000
BVG	-0.3 (-9.4%)	6,800
SJE	-1.9 (-8.5%)	400
VDL	-2.4 (-8.5%)	3,000
API	-1 (-7.7%)	1,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	4,6 tỷ	170,000
VND	3,1 tỷ	199,500
DBC	2,0 tỷ	89,800
KLS	1,8 tỷ	147,000
PVC	0,8 tỷ	48,900

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VCS	-2,1 tỷ	153,300
PVX	-0,7 tỷ	173,000
IVS	-0,4 tỷ	50,000
CAP	-0,1 tỷ	2,800
DCS	-0,1 tỷ	10,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	898,800	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch khá tốt ở phiên sáng, dù đà tăng không thực sự mạnh nhưng nhóm cổ phiếu chứng khoán vẫn giữ nhịp giúp TT. Tuy nhiên, đà tăng lại yếu dần về cuối.
- ▶ KLGD tăng nhẹ và đạt 54 triệu đơn vị. Tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng nhưng đây là một tín hiệu khá tích cực nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 10 tỷ trong phiên hôm nay. Sắp tới là kỳ cơ cấu danh mục của Quỹ ETF, nên nhiều khả năng giao dịch khối này sẽ ảnh hưởng lớn tới Index.
- ▶ Chúng tôi cho rằng HNX-Index vẫn đang nhịp tích lũy vùng 74 - 76 điểm. Nếu thanh khoản tiếp tục duy trì tốt thì kỳ vọng HNX-Index bứt phá vùng này sẽ lớn dần.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, ưu tiên nhóm cổ phiếu cơ bản tốt. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.4	14,010.62	18.5	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	26.8	11,971.57	7.9	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	77.9	8,569.00	264.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	10.1	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	13.4	5,918.92	13.3	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.5	5,100.00	36.3	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.9	4,260.33	14.8	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	40.3	3,136.63	7.0	2.2	33.5%	17.5%
NTP	56.3	52.5	2,957.81	9.9	2.2	23.8%	16.0%
VNR	100.8	27.7	2,792.93	7.9	1.1	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.1	1,067.80	6.9	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	17.9	354.42	7.0	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.6	1,512.21	10.8	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.5	2,957.81	9.9	2.2	NA	TH.DOI
PVC	50.0	16.3	815.00	9.4	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.0	299.25	6.1	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	70,184.03	15.35%	95.5	214.99	4.82	67,771	138,452	261,255
VIC	HOSE	894.2	58,125.63	14.46%	65.0	7.76	3.71	126,665	195,699	476,791
HPG	HOSE	481.9	25,300.18	11.74%	52.5	10.69	2.45	437,848	479,318	776,303
PVD	HOSE	275.3	23,534.57	8.68%	85.5	11.04	2.29	313,643	264,690	442,647
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	8.01%	32.6	6.56	1.42	869,159	962,799	1,465,265
HAG	HOSE	718.2	17,522.97	7.98%	24.4	14.55	1.34	2,305,198	2,173,030	3,328,234
VCB	HOSE	2,317.4	60,252.84	6.11%	26.0	15.78	1.58	364,350	391,719	734,678
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	4.13%	21.0	10.96	1.45	1,941,988	1,928,015	1,285,194
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	3.08%	39.3	21.98	2.16	164,804	275,984	456,437
ITA	HOSE	718.0	5,887.65	2.71%	8.2	104.97	0.76	4,513,337	4,748,053	7,707,913
HSG	HOSE	96.3	4,324.46	2.68%	44.9	10.80	1.91	72,940	86,434	177,977
GMD	HOSE	114.4	3,764.47	2.26%	32.9	123.92	0.84	190,175	278,774	358,982
PPC	HOSE	318.2	6,617.62	2.03%	20.8	7.28	1.18	182,255	297,953	705,972
VSH	HOSE	206.2	3,423.60	1.74%	16.6	16.03	1.29	133,602	265,999	624,893
CSM	HOSE	67.3	2,624.39	1.64%	39.0	7.10	2.03	300,377	278,401	450,043
KBC	HOSE	389.8	4,287.36	1.48%	11.0	24.67	0.84	800,312	692,787	985,369
DRC	HOSE	83.1	3,638.63	1.33%	43.8	9.55	2.49	85,513	117,769	281,048
PVT	HOSE	255.9	3,147.08	1.18%	12.3	13.03	1.10	530,248	546,870	1,072,977
DIG	HOSE	143.0	2,359.43	1.01%	16.5	44.04	0.99	256,279	220,634	495,992
OGC	HOSE	300.0	3,240.00	0.91%	10.8	48.56	1.03	1,301,788	1,358,497	2,645,088
PET	HOSE	69.8	1,110.49	0.87%	15.9	7.41	0.88	610,471	510,634	615,890

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,971.57	5.37%	26.8	7.93	1.41	1,261,804	1,361,730	2,547,428
VIC	HOSE	894.2	58,125.63	8.00%	65.0	7.76	3.71	126,665	195,699	476,791
VCB	HOSE	2,317.4	60,252.84	7.00%	26.0	15.78	1.58	364,350	391,719	734,678
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	6.50%	39.3	21.98	2.16	164,804	275,984	456,437
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	5.79%	32.6	6.56	1.42	869,159	962,799	1,465,265
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	4.26%	21.0	10.96	1.45	1,941,988	1,928,015	1,285,194
PVD	HOSE	275.3	23,534.57	3.22%	85.5	11.04	2.29	313,643	264,690	442,647
ITA	HOSE	718.0	5,887.65	3.73%	8.2	104.97	0.76	4,513,337	4,748,053	7,707,913
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.86%	9.2	10.09	0.77	3,635,580	5,057,618	7,692,150
PPC	HOSE	318.2	6,617.62	1.58%	20.8	7.28	1.18	182,255	297,953	705,972
OGC	HOSE	300.0	3,240.00	2.33%	10.8	48.56	1.03	1,301,788	1,358,497	2,645,088
GMD	HOSE	114.4	3,764.47	1.62%	32.9	123.92	0.84	190,175	278,774	358,982
MSN	HOSE	734.9	70,184.03	8.00%	95.5	214.99	4.82	67,771	138,452	261,255
HAG	HOSE	718.2	17,522.97	2.83%	24.4	14.55	1.34	2,305,198	2,173,030	3,328,234
DRC	HOSE	83.1	3,638.63	1.28%	43.8	9.55	2.49	85,513	117,769	281,048
VCG	HNX	441.7	5,918.92	3.58%	13.4	13.26	1.06	1,471,500	1,871,993	2,340,178
PVT	HOSE	255.9	3,147.08	2.05%	12.3	13.03	1.10	530,248	546,870	1,072,977

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	58,125.63	0.00%	65.0	7.76	3.71	126,665	195,699	476,791
MSN	HOSE	734.9	70,184.03	0.00%	95.5	214.99	4.82	67,771	138,452	261,255
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	0.00%	32.6	6.56	1.42	869,159	962,799	1,465,265
HAG	HOSE	718.2	17,522.97	0.00%	24.4	14.55	1.34	2,305,198	2,173,030	3,328,234
VCB	HOSE	2,317.4	60,252.84	0.00%	26.0	15.78	1.58	364,350	391,719	734,678
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	0.00%	21.0	10.96	1.45	1,941,988	1,928,015	1,285,194
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	0.00%	39.3	21.98	2.16	164,804	275,984	456,437
CTG	HOSE	3,723.4	55,106.39	0.00%	14.8	8.64	0.99	225,181	272,383	645,178
GAS	HOSE	1,895.0	197,080.00	0.00%	104.0	17.69	5.61	370,882	397,386	448,438

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	70,184.03	0.81%	95.5	214.99	4.82	67,771	138,452	261,255
VIC	HOSE	894.2	58,125.63	0.55%	65.0	7.76	3.71	126,665	195,699	476,791
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	0.26%	32.6	6.56	1.42	869,159	962,799	1,465,265
VCB	HOSE	2,317.4	60,252.84	0.20%	26.0	15.78	1.58	364,350	391,719	734,678
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	0.14%	21.0	10.96	1.45	1,941,988	1,928,015	1,285,194
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	0.10%	39.3	21.98	2.16	164,804	275,984	456,437

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,046	5.9	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,882	7.1	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,860	22.7	0.8	3.1%	2.1%
Sản xuất giấy	786	8.1	0.8	11.0%	5.6%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,555	19.8	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,598	4.0	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	11,947	52.1	5.0	1.9%	1.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,579	16.9	1.4	11.4%	8.1%
Xây dựng	28,740	-	40.8	1.1	-4.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	1,986	6.8	1.0	17.0%	9.0%
Công nghiệp phức hợp	756	3.8	0.9	22.2%	16.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,716	9.7	0.9	7.8%	3.8%
Thiết bị điện	1,596	-	17.0	0.7	-0.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	38	23.8	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,939	6.1	1.3	21.3%	14.7%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,290	-	1.6	0.8	2.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,028	13.8	1.3	14.3%	10.8%
Dịch vụ vận tải	5,827	8.6	1.5	18.3%	11.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,121	10.7	1.4	13.3%	4.6%
Đào tạo & Việc làm	196	9.3	0.6	8.1%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	181	8.4	0.8	10.7%	4.9%
Chất thải & Môi trường	154	2.3	0.7	34.8%	17.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,835	10.4	1.4	13.3%	7.8%
Lốp xe	6,729	8.2	2.2	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,722	6.6	1.1	15.9%	8.5%
Vang & Rượu mạnh	382	14.2	2.4	19.1%	11.8%
Đồ uống & giải khát	265	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,473	9.5	1.2	14.6%	6.4%
Thực phẩm	199,871	22.8	4.7	21.2%	16.3%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	50	39.8	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,103	8.1	0.9	12.5%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	140	7.8	1.3	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,026	8.4	1.4	17.8%	7.0%
Giày dép	8	-	1.1	0.5	-33.3%
Hàng cá nhân	4,842	8.8	1.7	16.7%	8.9%
Thuốc lá					
Thuốc lá	695	-	8.3	1.0	4.5%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		835	15.0	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		137	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		172	8.2	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		15,023	10.9	3.1	25.4%	16.7%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		740	13.2	1.2	12.9%	8.3%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,047	8.2	1.2	14.6%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,024	8.2	0.9	12.3%	8.1%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		184	8.1	3.4	52.7%	27.1%
Khách sạn		5,700	35.7	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,163	27.2	1.4	15.4%	13.0%
Vận tải hành khách & Du lịch		1,179	10.5	2.0	15.8%	14.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		54	12.7	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		506	20.1	0.6	3.1%	1.2%
Internet		296	62.4	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm		16,433	10.1	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		415	14.9	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		267	5.2	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		2,098	14.2	0.7	5.0%	3.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		21,838	-	5.5	-6.4%	3.1%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		204,946	17.2	5.5	32.9%	22.1%
Nước		1,180	6.4	1.0	16.7%	11.0%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,167	5.2	0.8	15.0%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,198	11.7	0.7	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,803	7.9	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		27,083	22.0	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,300	48.6	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		25,040	13.6	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng						
Ngân hàng		246,228	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		132,276	11.2	2.4	27.5%	6.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	14.2	0.8	5.5%	2.5%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		37,255	9.7	2.0	20.5%	8.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.